

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830101] - Thực tập lắp đặt cấp
và thoát nước dân dụng (CCQ2205A)

CBGD: Trần Thiện Tường (280026)

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050004	Trương Khánh	Âu	12/08/2004	CCQ2205A			8,5	8,5	8,5
2	2122050009	Nguyễn Thành Thanh	Bảo	14/05/2004	CCQ2205A			8,0	8,0	8,0
3	2122050022	Mai Quang	Đại	10/06/2004	CCQ2205A			8,0	8,0	8,0
4	2122050026	Nguyễn Xuân	Duy	09/12/2004	CCQ2205A			7,5	7,5	7,5
5	2122050012	Huỳnh Ngô Phước	Hải	26/03/2004	CCQ2205A			8,0	8,0	8,0
6	2122050120	Phạm Thanh	Hải	25/01/2004	CCQ2205A			8,5	8,5	8,5
7	2122050119	Trương Minh	Hiển	16/11/2024	CCQ2205A			7,5	7,5	7,5
8	2122050023	Trần Hữu	Hoàng	09/12/2004	CCQ2205A			7,5	7,5	7,5
9	2122050015	Trương Đắc	Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A			7,5	7,5	7,5
10	2122050020	Nguyễn Lê Hiếu	Nhân	17/11/2004	CCQ2205A			9,0	9,0	9,0
11	2122050031	Đào Minh	Nhật	31/01/2004	CCQ2205A			8,0	8,0	8,0
12	2122050017	Huỳnh Tuấn	Nhật	05/03/2004	CCQ2205A			8,0	8,0	8,0
13	2122050118	Lê Tuấn	Phong	02/08/2004	CCQ2205A			7,5	7,5	7,5
14	2122050032	Lê Nam	Quốc	26/03/2004	CCQ2205A			7,0	7,0	7,0
15	2122050135	Nguyễn Hoàng	Quốc	08/03/2004	CCQ2205A			7,5	7,5	7,5
16	2122050121	Lê Đình	Sơn	07/04/2004	CCQ2205A			8,0	8,0	8,0
17	2122050018	Trương Tấn	Tài	02/01/2004	CCQ2205A			7,5	7,5	7,5
18	2122050007	Nguyễn Duy	Tân	20/01/2004	CCQ2205A			8,5	8,5	8,5
19	2122050027	Nguyễn Thành	Thái	13/04/2004	CCQ2205A			8,0	8,0	8,0
20	2122050030	Khê Như	Thuần	13/09/2004	CCQ2205A			8,0	8,0	8,0
21	2122050006	Nguyễn Duy	Tiền	09/01/2003	CCQ2205A			7,0	7,0	7,0
22	2122050025	Đặng Minh	Trực	07/01/2004	CCQ2205A			7,0	7,0	7,0
23	2122050014	Huỳnh Văn	Trường	07/01/2004	CCQ2205A			7,5	7,5	7,5
24	2122050016	Hồ Minh	Tuấn	22/08/2004	CCQ2205A			7,0	7,0	7,0
25	2122050024	Nguyễn Văn	Tuấn	24/08/2004	CCQ2205A	✓		6,0	6,0	6,0
26	2122140015	Ngô Hoàng	Việt	07/07/2004	CCQ2205A			7,0	7,0	7,0
27	2122050010	Nguyễn Quốc	Việt	17/05/2004	CCQ2205A			7,0	7,0	7,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830102] - Thực tập lắp đặt cấp
và thoát nước dân dụng (CCQ2205B)

CBGD: Đào Thanh Tâm (280037)

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050050	Lê Đình Trường	02/09/2004	CCQ2205B		An	9,0	9,0	9,0
2	2122050043	Đặng Quốc Cường	18/03/2004	CCQ2205B		Cường	8,0	9,0	8,6
3	2122050038	Phạm Thanh Diễn	05/05/2004	CCQ2205B		Diễn	8,0	9,0	8,6
4	2122050062	Nguyễn Trung Đức	16/01/2003	CCQ2205B		Đức	8,0	9,5	8,9
5	2122050040	Vũ Văn Hùng Dũng	23/09/2003	CCQ2205B		Hùng	8,0	8,0	8,0
6	2122050042	Trần Lê Nhật Duy	06/11/2004	CCQ2205B		Duy	9,0	10,0	9,6
7	2122050037	Nguyễn Trung Hiếu	04/04/2004	CCQ2205B		Hiếu	9,0	9,0	9,0
8	2122050036	Võ Phước Hôn	16/04/2004	CCQ2205B		Hôn	9,0	9,0	9,0
9	2122050059	Phan Trọng Hữu	23/03/2004	CCQ2205B					
10	2122050054	Vũ Gia Huy	04/06/2004	CCQ2205B		Huy	7,0	8,5	7,9
11	2122050046	Đoàn Minh Khải	29/07/2004	CCQ2205B		Khải	8,0	9,0	8,6
12	2122050053	Nguyễn Phạm Hoàng Minh	20/11/2004	CCQ2205B		Minh	9,0	10,0	9,6
13	2122050067	Nguyễn Tấn Gia Nguyên	30/04/2004	CCQ2205B		Nguyên	8,0	8,5	8,3
14	2122050136	Trần Khắc Nhân	24/03/2004	CCQ2205B		Nhân	8,5	9,0	8,8
15	2122050068	Nguyễn Hữu Phát	19/02/2003	CCQ2205B		Phát	9,0	9,5	9,3
16	2122050069	Huỳnh Ngọc Phúc	10/12/2003	CCQ2205B		Phúc	9,0	9,5	9,3
17	2122050057	Lê Quang Phương	03/08/2004	CCQ2205B		Phương	9,5	9,5	9,5
18	2122050049	Đặng Minh Quân	17/06/2004	CCQ2205B		Quân	8,5	9,5	9,1
19	2122050056	Lê Thanh Quang	24/11/2004	CCQ2205B		Quang	8,0	9,5	8,9
20	2122050051	Tô Đình Thành	18/06/2004	CCQ2205B		Thành	9,0	9,5	9,3
21	2122050061	Huỳnh Quốc Thịnh	03/07/2004	CCQ2205B		Thịnh	9,5	9,5	9,5
22	2122050066	Hồ Mạnh Trình	27/03/2004	CCQ2205B		Trình	8,0	8,0	8,0
23	2122050058	Đặng Minh Trọng	12/02/2004	CCQ2205B		Trọng	8,0	9,0	8,6
24	2122050114	Nguyễn Văn Trường	08/03/2004	CCQ2205B		Trường	9,0	9,5	9,3
25	2122110207	Nguyễn Trí Tuấn Vũ	14/03/2004	CCQ2205B		Vũ	8,0	8,0	8,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830103] - Thực tập lắp đặt cấp
và thoát nước dân dụng (CCQ2205C)

CBGD: Nguyễn Thị Hạnh (280025)

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050070	Thiên Đại	Anh	11/08/2004	CCQ2205C		<i>the</i>	8,0	8,0	8,0
2	2122050151	Lê Quý	Cầu	11/10/2004	CCQ2205C		<i>cau</i>	8,0	7,5	7,7
3	2122050082	Đoàn Đông	Cơ	16/03/2004	CCQ2205C		<i>co</i>	7,5	7,5	7,5
4	2122050087	Lê Việt	Đông	17/02/2004	CCQ2205C		<i>Đông</i>	9,0	9,0	9,0
5	2122050142	Dương Văn	Dũng	15/12/2001	CCQ2205C		<i>Dũng</i>	8,0	8,0	8,0
6	2122180005	Đoàn Tất	Giáp	01/08/2004	CCQ2205C		<i>Giáp</i>	8,0	7,0	7,4
7	2122050139	Võ Văn	Hùng	23/01/2004	CCQ2205C		<i>Hùng</i>	8,0	8,0	8,0
8	2122050077	Nguyễn Công	Hưng	12/12/2004	CCQ2205C		<i>Hưng</i>	8,0	8,5	8,3
9	2122050083	Nguyễn Duy	Khánh	30/11/2004	CCQ2205C		<i>khánh</i>	8,0	7,5	7,7
10	2122050086	Trần Đăng	Khoa	01/01/2004	CCQ2205C		<i>hoa</i>	8,0	7,5	7,7
11	2122050092	Trần Hiếu	Kỳ	07/12/2004	CCQ2205C					
12	2122050094	Nguyễn Văn	Minh	02/10/2004	CCQ2205C		<i>Minh</i>	8,0	7,5	7,7
13	2122050099	Trương Công	Nghĩa	14/04/2004	CCQ2205C		<i>Nghĩa</i>	8,0	7,0	7,4
14	2122050075	Nguyễn Đình	Ngọc	12/10/2003	CCQ2205C		<i>Ngọc</i>	8,0	7,0	7,4
15	2122140060	Mai Quốc	Nhật	02/02/2004	CCQ2205C		<i>Nhật</i>	9,0	8,0	8,4
16	2122050148	Nguyễn Minh	Phúc	14/07/2004	CCQ2205C		<i>Phúc</i>	8,0	9,0	8,6
17	2122050089	Nguyễn Đức	Quân	10/05/2004	CCQ2205C		<i>Quân</i>	8,0	8,5	8,3
18	2122050090	Trần Văn	Quyên	02/10/2004	CCQ2205C		<i>Quyên</i>	8,0	7,5	7,7
19	2122050147	Huỳnh Văn	Thuận	26/05/2003	CCQ2205C		<i>Thuận</i>	8,0	7,0	7,4
20	2122050081	Trương Lê Ngọc	Tiên	06/11/2003	CCQ2205C		<i>Tiên</i>	8,0	9,0	8,6
21	2122050078	Lê Minh	Trí	07/12/2004	CCQ2205C		<i>Trí</i>	8,0	7,5	7,7
22	2122050074	Nguyễn Hữu	Trọng	29/06/2003	CCQ2205C		<i>Trọng</i>	8,0	7,5	7,7
23	2122050085	Nguyễn Thành	Trung	22/11/2004	CCQ2205C		<i>Trung</i>	8,0	8,0	8,0
24	2122050095	Nguyễn Trung	Tứ	24/02/2004	CCQ2205C					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830104] - Thực tập lắp đặt cấp
và thoát nước dân dụng (CCQ2205D)
CBGD: Nguyễn Văn Phước (280023)

Số SV có mặt: 26
Số bài thi: 26
Số tờ giấy thi: 26

(Handwritten signatures of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050122	Nguyễn Chí An	15/11/2004	CCQ2205D		<i>An</i>	9,0	8,0	8,4
2	2122050149	Nguyễn Văn Bảo	24/10/2004	CCQ2205D		<i>Bao</i>	9,0	8,5	8,7
3	2122050117	Nguyễn Văn Chương	16/12/2004	CCQ2205D		<i>Chuong</i>	9,0	8,5	8,7
4	2122050127	Nguyễn Ngọc Đức	13/03/2004	CCQ2205D		<i>Duc</i>	9,0	9,0	9,0
5	2122050128	Nguyễn Xuân Dương	01/01/2004	CCQ2205D		<i>Duong</i>	8,5	8,5	8,5
6	2122050144	Hà Trần Ngọc Giảng	19/01/2004	CCQ2205D					
7	2122140064	Nguyễn Huy Hoàng	23/02/2001	CCQ2205D		<i>Hoang</i>	8,5	7,5	7,9
8	2122170390	Nguyễn Trần Đức Hy	25/07/2004	CCQ2205D		<i>Hy</i>	8,0	7,5	7,7
9	2122050013	Trần Gia Lâm	26/08/2004	CCQ2205D		<i>Lam</i>	8,5	8,0	8,2
10	2122050133	Đỗ Văn Ngọc Lưu	20/01/2004	CCQ2205D		<i>Luu</i>	7,5	7,0	7,2
11	2122170394	Lê Văn Lưu	26/07/2004	CCQ2205D		<i>Luu</i>	9,0	8,5	8,7
12	2122220028	Trần Huỳnh Mạnh	19/08/2004	CCQ2205D		<i>Manh</i>	8,0	7,5	7,7
13	2122170387	Võ Xuân Minh	05/08/2004	CCQ2205D		<i>Minh</i>	8,0	7,5	7,7
14	2122050106	Dương Thành Nguyên	16/02/2004	CCQ2205D		<i>Nguyen</i>	8,0	7,5	7,7
15	2122200018	Đặng Thanh Phúc	20/08/2002	CCQ2205D		<i>Phuc</i>	8,0	7,5	7,7
16	2122050130	Dương Minh Tân	22/12/2004	CCQ2205D		<i>Tan</i>	8,5	8,0	8,2
17	2122050107	Lê Thanh Thái	24/07/2002	CCQ2205D		<i>Thai</i>	8,0	7,5	7,7
18	2122180045	Trương Lương Nguyễn Thành	13/11/2004	CCQ2205D		<i>Thanh</i>	9,0	8,5	8,7
19	2122170536	Đào Huỳnh Xuân Thiện	21/08/2004	CCQ2205D		<i>Thien</i>	8,0	7,5	7,7
20	2122050124	Võ Đức Thịnh	12/12/2004	CCQ2205D		<i>Thinh</i>	9,0	9,0	9,0
21	2122170537	Phan Trần Phước Tiến	29/08/2004	CCQ2205D		<i>Tien</i>	7,5	7,0	7,2
22	2122060061	Triệu Minh Toàn	30/10/2004	CCQ2205D		<i>Toan</i>	8,5	8,0	8,2
23	2122050126	Lê Thành Trung	29/10/2004	CCQ2205D		<i>Trung</i>	8,0	7,5	7,7
24	2122050111	Võ Thanh Trung	20/06/2004	CCQ2205D		<i>Trung</i>	8,0	7,5	7,7
25	2122050105	Nguyễn Quốc Việt	11/03/2004	CCQ2205D		<i>Viet</i>	8,0	7,5	7,7
26	2122050123	Nguyễn Văn Vin	01/04/2003	CCQ2205D		<i>Vin</i>	8,5	8,0	8,2
27	2122050103	Trần Anh Vũ	08/05/2004	CCQ2205D		<i>Vu</i>	8,5	8,0	8,2